

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LANG CHÁNH  
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 28 tháng 8 năm 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Lê Viết Tám

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Ông Lê Hồng Thức
- Ông Lê Đình Phát

**Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Nhân là Thư ký Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị H, sinh năm 2001

Địa chỉ: Bản N, xã Y, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Lò Hoàng A, sinh năm 1997

Địa chỉ: Bản N, xã Y, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện ngày 17/6/2024, được bổ sung trong bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lò Hoàng A kết hôn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc; đăng ký kết hôn ngày 12/3/2019 tại UBND xã Y, huyện L, tỉnh Thanh Hóa và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 10. Do thất lạc Giấy chứng nhận kết hôn nên được cấp Trích lục kết hôn số 251/TLKH-BS ngày 13/6/2024. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2021 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh A không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu say rồi gây sự, chửi bới, đánh đập chị. Chị đã cố gắng chịu đựng để cho con có đủ tình yêu thương cả bố và mẹ; gia đình hai bên đã động viên, khuyên giải nhưng anh A không thay đổi. Đến năm 2022, do không chịu đựng được cách đối xử của anh A nên chị đã bỏ đi làm ăn, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh A.

Về con: Chị và anh Lò Hoàng A có 01 con chung, là cháu Lò Thị Tuyết V, sinh ngày 22/12/2018. Hiện nay cháu V đang ở cùng anh A và ông bà nội tại bản Ngâm Póc, xã Y, huyện L. Theo đơn khởi kiện, chị H đề nghị giao cháu V cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai bổ sung ngày 22/8/2024, chị H trình bày: Hiện nay chị đang đi làm ăn xa, không có nơi ở ổn định và cháu V đã quen ở với ông bà nội, nên đề nghị giao cháu V cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, mỗi tháng chị cấp dưỡng cho cháu V từ 1.800.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

Về tài sản: Chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn là anh Lò Hoàng A vắng mặt tại phiên hòa giải không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Trong bản tự khai ngày 02/8/2024 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Lò Hoàng A trình bày:

Về hôn nhân: Anh công nhận anh và chị Lê Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn, thời gian vợ chồng ly thân như chị H trình bày là đúng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục, vợ chồng cũng đã ly thân không ai quan tâm ai, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị H ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Lò Thị Tuyết V, sinh ngày 22/12/2018. Anh đề nghị giao cháu V cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu chị H cấp dưỡng cho cháu V 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ khi Tòa án có quyết định cho ly hôn đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh Lò Hoàng A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi các đương sự cư trú về một số nội dung có liên quan trong vụ án, kết quả xác minh:

Về địa chỉ cư trú và sự có mặt, vắng mặt tại nơi cư trú của bị đơn: Anh Lò Hoàng A, sinh ngày 28/6/1997 đăng ký thường trú tại bản Ngâm Póc, xã Y, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; không đăng ký tạm trú ở nơi khác; không khai báo xin tạm vắng tại nơi cư trú; đến nay anh A chưa thay đổi nơi đăng ký cư trú và không bị xóa đăng ký thường trú; hiện nay anh A đang làm ăn tại tỉnh Bắc Ninh nhưng không có địa chỉ cụ thể, thi thoảng vẫn về thăm nhà và liên lạc với gia đình bằng điện thoại.

Về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp: Là do hoàn cảnh kinh tế khó

khăn, vợ chồng bất đồng quan điểm nên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đến khoảng năm 2022 chị H và anh A ly thân, không ai quan tâm ai.

Về con chung và điều kiện nuôi con: Chị H và anh A có 01 con chung là cháu Lò Thị Tuyết V, sinh ngày 22/12/2018. Do chị H và anh A thường xuyên đi làm ăn ở tỉnh ngoài, nên từ khi cháu V đang còn nhỏ đến nay cháu ở cùng ông bà nội tại bản Ngảm Pốc, xã Y, huyện L, cháu được chăm sóc tốt và học tập đầy đủ. Chị H và anh A đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên về thăm con và gửi tiền cho bố mẹ anh A để chi phí sinh hoạt và học tập của cháu V. Cháu V đã quen sống với ông bà nội, quen môi trường sống, trường lớp và bạn bè, nên việc thay đổi nơi cư trú sẽ ảnh hưởng không tốt đến tâm lý và việc học tập của cháu.

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ nhất, nguyên đơn là chị Lê Thị H và bị đơn là anh Lò Hoàng A vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên toà, Đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”; nơi cư trú của bị đơn tại huyện L, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2]. Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ nhất, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vụ án vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị Lê Thị H, anh Lò Hoàng A và bản sao Trích lục kết hôn số 251/TLKH-BS ngày 13/6/2024 do UBND xã Y, huyện L, tỉnh Thanh Hóa cấp, đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Lò Hoàng A là hợp pháp.

[4]. Xét yêu cầu ly hôn của chị H, ý kiến của anh A, Hội đồng xét xử thấy: Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai, chị H đều có nguyện vọng được ly hôn anh A; anh A đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Xét mâu thuẫn vợ chồng, thấy: Giữa chị H và anh A thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do điều kiện kinh tế khó khăn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng

không có kết quả. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh A. Còn anh A không tham gia các phiên hòa giải theo triệu tập của Tòa án để hòa giải, giải quyết mâu thuẫn mà cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị H được ly hôn. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh A không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H và ý kiến của anh A, quyết định cho chị H và anh A được ly hôn.

**[5]. Về con:** Căn cứ lời trình bày của chị Lê Thị H, anh Lò Hoàng A và bản sao Giấy khai sinh của cháu V, đủ cơ sở xác định: Cháu Lò Thị Tuyết V, sinh ngày 22/12/2018 là con chung của chị H và anh A. Xét đề nghị về việc giao nuôi con của chị H và anh A, thấy: Chị H và anh A đề nghị Tòa án giao cháu V cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng. Từ khi cháu V sinh ra đến nay, phần lớn thời gian chị H và anh A đều đi làm ăn ở tỉnh ngoài, trong khoảng thời gian đó, cháu V ở cùng ông bà nội là bố mẹ đẻ của anh A, cháu V vẫn khỏe mạnh, được chăm sóc tốt và được học tập đầy đủ. Cháu V cũng quen sự chăm sóc của ông bà nội, quen môi trường sống, quen trường, lớp học và quen bạn bè. Để cháu V được chăm sóc tốt, được học tập đầy đủ, không bị xáo trộn về môi trường sống và học tập, có điều kiện phát triển một cách tốt nhất, nên giao cháu V cho anh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù.

**[6]. Xét về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con,** thấy: Anh A là người trực tiếp nuôi con, nên có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là đúng quy định của pháp luật, nên có cơ sở để xem xét. Xét mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng, thấy: Về mức cấp dưỡng, chị H tự nguyện cấp dưỡng cho cháu V từ 1.800.000 đồng đến 2.000.000 đồng, phù hợp với mức cấp dưỡng anh A yêu cầu và phù hợp với nhu cầu thiết yếu của cháu V so với mức sống trung bình tại địa phương. Do đó, chấp nhận mức cấp dưỡng mà anh A yêu cầu là 2.000.000 đồng/tháng. Chị H và anh A đều đề nghị áp dụng phương thức cấp dưỡng hàng tháng, để tạo điều kiện thuận lợi cho người cấp dưỡng, phù hợp với khả năng thu nhập của họ, nên chấp nhận phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng theo quy định tại Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, có cơ sở chấp nhận mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng theo yêu cầu của anh A và sự tự nguyện của chị H. Chị H có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu V 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2024 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

**[7]. Về tài sản:** Chị Lê Thị H, anh Lò Hoàng A không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[8]. Về án phí:** Chị Lê Thị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

**Áp dụng:** Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 107, 116 và 117 Luật

Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, các điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Xử:**

**Về hôn nhân:** Chị Lê Thị H được ly hôn anh Lò Hoàng A.

**Về con:** Giao cháu Lò Thị Tuyết V, sinh ngày 22/12/2018 cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H phải cấp dưỡng cho cháu V 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2024 đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

**Về án phí:** Chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), tổng là 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0006636 ngày 17/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh. Chị H còn phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn Lê Thị H và bị đơn Lò Hoàng A. Chị H, anh A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- UBND xã Y, huyện L, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

*Lê Viết Tâm*